THÔN LÀNG TƯƠNG

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Phạm Văn Tài	01/01/1938	051034002971		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Rêu	
2	Phạm Thị Thiết (Ngảnh)	01/01/1945	051145003933		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Rêu	
3	Phạm Thị Triệu	01/01/1953	051153007084		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Tương	
4	Phạm Văn Lương	01/01/1954	051054002623		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Làng Rêu	
5	Phạm Văn Ngơn	01/01/1954	051054008109		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Làng Rêu	
6	Phạm Văn Tiến	01/09/1955	051055009049		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Làng Rêu	
7	Phạm Văn Tân	01/01/1944	051044002166		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Làng Rêu	
8	Phạm Văn Bân	01/01/1945	051045005809		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Rêu	
9	Phạm Thị Bê	01/01/1953	051152005771		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Tương	
10	Phạm Văn Đoàn	01/01/1951	051051005412		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Rêu	
11	Phạm Thị Kê	01/01/1950	051150004481		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Rêu	
12	Phạm Văn Ngư	01/01/1951	051051001077		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Tương	
13	Phạm Thị Sự	01/01/1953	051153005856		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Rêu	
14	Phạm Văn Thiên	01/01/1947	051047005506		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Tương	
15	Phạm Văn Trếu	01/01/1951	051051005465		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Tương	
16	Phạm Thị Ngá	01/01/1953	051153008542		Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
17	Phạm Thị Đúa	05/08/1958	051158006800		**Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB**	Làng Rêu	
18	Phạm Thị Quen	01/01/1958	051158007177		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
19	Phạm Thị Sắt	01/01/1945	051145004461	**chết**	Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
20	Phạm Văn Ngã (Ngơn)	01/01/1954	051054008109		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
21	Phạm Thị Thiên	01/01/1945	051145004054		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
22	Phạm Văn Chia	01/01/1939	051033002584		**Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%**	Làng Rêu	

23	Phạm Thị Ách	01/01/1983	051183008868		**Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%**	Làng Rêu	
24	Phạm Văn Đút	01/01/1974	051074004960		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
25	Phạm Văn Êu	01/01/1979	051079013500		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Tương	
26	Phạm Văn Giáp	01/07/1987	051087013299		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
27	Phạm Thị Inh (In)	01/01/1970	051170010537		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Tương	
28	Phạm Văn Lót	01/01/1968	051068014372		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
29	Phạm Thị Ơn	01/01/1976	051176013108		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Tương	
30	Phạm Văn Ga Rập	01/01/1968	051068012658		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
31	Phạm Thị Sá	01/01/1954	051154012805		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
32	Phạm Thị Ỷ	01/01/1983	051183011729		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Làng Rêu	
33	Phạm Thị Say	01/01/1940	051140002743		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Tương	
34	Phạm Văn Tích	12/10/1950	051050005125		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Rêu	
35	Phạm Văn Bới	15/03/1942	051042002589		**BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%**	Làng Tương	
36	Phạm Văn Chiến	01/01/1955	051055004612		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Làng Tương	
37	Phạm Thị Đông	01/01/1951	051151003003		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Làng Tương	
38	Phạm Thị Lợi	01/01/1947	051147002745		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Làng Tương	
39	Phạm Văn Tâm	01/01/1946	051046003186		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Làng Tương	
40	Phạm Văn Nhà	19/08/1933	051033001911		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Làng Tương	
41	Phạm Thị Đùn	01/01/1950	051150002081		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Rêu	
42	Phạm Thị Nguồng	01/01/1950	051150008579		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Tương	
43	Phạm Văn Bằng	15/05/1961	051061010059		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Rêu	
44	Phạm Thị Hơn	01/01/1974	051174011716		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Tương	
45	Phạm Thị KRúp	01/01/1973	051173007386		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Rêu	
46	Phạm Văn Ơi	16/08/1985	051085011068		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Tương	
47	Phạm Văn Phát	16/03/1989	051089015520		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Rêu	

48	Phạm Thị Sinh	01/01/1970	051170009864		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Rêu	
49	Phạm Thị Y	01/01/1975	051175007790		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Làng Rêu	
50	Phạm Thị Goàn	01/01/1987	051187007905		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 81% trở lên	Làng Tương	

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Phạm Văn Chi	0101/1957	051057005210		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Gò Nghênh	
2	Phạm Văn Lá	05/08/1934	051034002311		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hy Long	
3	Phạm Văn Lươi	01/01/1949	051049002814		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Gò Nghênh	
4	Phạm Văn Vong	01/01/1954	051054008477		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Gò Nghênh	
5	Phạm Thị Đi	01/01/1954	051154010025		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Gò Nghênh	
6	Phạm Văn Nó	01/01/1940	051040004249		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hy Long	
7	Phạm Thị Siêng	02/05/1954	051154009366		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hy Long	
8	Phạm Văn Thanh	01/01/1934	051034003462		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hy Long	
9	Phạm Văn Huy	01/01/1950	051050006166		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Gò Nghênh	
10	Phạm Thị Bê	01/01/1953	051152005771		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Tương	
11	Phạm Văn Đáy	01/01/1953	051053003878		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Hy Long	
12	Phạm Thị Hương	01/01/1942	051142000787		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Hy Long	
13	Phạm Thị Lễ	01/01/1945	051145001132		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Gò Nghênh	
14	Phạm Văn Nhánh		051060010101		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Gò Nghênh	
15	Phạm Văn Tới	01/01/1947	051047005833		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Gò Nghênh	
16	Phạm Thị Trí	01/01/1950	051150003297		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Hy Long	
17	Phạm Thị Phê	01/01/1935	051135000421		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Gò Nghênh	
18	Phạm Thị Thức	01/01/1940	051140006071		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Gò Nghênh	
19	Phạm Văn Chắc	01/01/1963	051063011377		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hy Long	
20	Phạm Văn Điểu (Điếu)	01/01/1990	051090017145		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Gò Nghênh	
21	Phạm Văn Đời	01/01/1980	051080007875		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Gò Nghênh	
22	Phạm Văn Đúng	01/01/1990	051090012603		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hy Long	
23	Phạm Văn Mênh	03/01/1986	051086018021		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hy Long	

24	Phạm Văn Ơi	01/01/1974	051074007055		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Gò Nghênh	
25	Phạm Thị Tối	01/01/1980	051180011523		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Gò Nghênh	
26	Phạm Văn Thôn	01/07/1961	051061008875		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hy Long	
27	Phạm Văn Thun	01/01/1980	051080013983		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hy Long	
28	Phạm Văn Kỳ	01/01/1947	051047003891		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hy Long	
29	Phạm Văn Chịu	01/01/1942	051042002132		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Hy Long	
30	Phạm Văn Đến	01/01/1952	051052004399		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Gò Nghênh	
31	Phạm Văn Nghép	01/01/1952	051052004148		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Hy Long	
32	Phạm Văn Nghênh	01/12/1954	051054007997		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Gò Nghênh	
33	Phạm Văn Thành	01/01/1950	051050004177		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Gò Nghênh	
34	Phạm Thị Nam	04/09/1955	051155002586		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Gò Nghênh	

THÔN CAO MUÔN

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Đinh Văn Ái	01/01/1951	051053005954		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Lui	
2	Phạm Văn Bầy	01/05/1949	051049003781		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Huy	
3	Phạm Văn Deo	15/08/1950	051050007324		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Cao Muôn	
4	Phạm Văn Ghí	01/01/1941	051041003072		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Cao Muôn	
5	Phạm Văn Lợi	01/08/1937	051037003439		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Làng Huy	
6	Phạm Văn Nỏ	12/01/1952	051052005644		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Lui	
7	Phạm Thị Bay	01/01/1955	051155006908		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Cao Muôn	
8	Phạm Văn Đẹp	01/01/1945	051045001042		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Cao Muôn	
9	Phạm Văn Đim	01/01/1954	051054002614		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Nước Lui	
10	Phạm Văn Đoi	01/01/1939	051039002589		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Cao Muôn	
11	Phạm Văn Hin	01/01/1953	051053003285		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Nước Lui	
12	Phạm Văn Là	01/01/1955	054053005912		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Cao Muôn	
13	Phạm Văn Rân	10/03/1952	051052006367		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Làng Huy	
14	Phạm Thị Báo	01/01/1950	051150010416		**BB suy giảm KNLĐ 51-60%**	Nước Lui	
15	Phạm Văn Đông	01/01/1952	051052004990		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Cao Muôn	
16	Phạm Văn Brót	23/01/1956	051056002228		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
17	Phạm Văn Đác	01/01/1955	051055000405		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
18	Phạm Văn Điêu	13/03/1952	051052003996		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	
19	Đinh Thị Đin	01/01/1954	051154008395		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Lui	
20	Phạm Văn Đinh	01/01/1959	051059007174		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
21	Đinh Văn Ép	06/02/1951	051051002989		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Lui	
22	Phạm Văn Hách	01/04/1949	051049003206		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
23	Phạm Văn lễ	30/04/1951	051051005697		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	
24	Phạm Thị Nữ	08/10/1955	051155011879		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	
25	Phạm Văn Nhông	01/01/1950	051050006051		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
26	Phạm Thị Ố	01/02/1944	051144003387		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Cao Muôn	
27	Phạm Văn Tên	01/01/1938	051038003583		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	
28	Phạm Thị Uốc	01/01/1951	051151005655		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	

29	Phạm Văn Xóm	01/01/1953	051053005456		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Làng Huy	
30	Phạm Thị Lia (Lê)	01/01/1945	051145001132		**BB suy giảm KNLĐ 71-80%**	Cao Muôn	
31	Phạm Văn Uông	01/01/1950	051050008976		BB suy giảm KNLĐ 71-80%	Cao Muôn	
32	Phạm Thị Nun (Nin)	01/01/1938	051138001991		Tuất 1 liệt sĩ	Cao Muôn	
33	Phạm Thị Thái (Thay)	01/01/1949	051149003770		Tuất 1 liệt sĩ	Làng Huy	
34	Phạm Thị Thành	01/01/1942	051142005828		Tuất 1 liệt sĩ	Làng Huy	
35	Phạm Thị Liền	01/01/1957	051157002355		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Làng Huy	
36	Phạm Thị Vo	01/01/1945	051145002890		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Cao Muôn	
37	Phạm Thị Ngã	01/01/1947	051147003874		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Cao Muôn	
38	Phạm Thị Phố	01/01/1944	051144005801		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Cao Muôn	
39	Phạm Thị Tim	01/01/1947	051147002712		NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB	Cao Muôn	
40	Phạm Văn Oanh	01/01/1943	051043000637		Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	Làng Huy	
41	Phạm Văn Lâu (Ứng)	01/01/1979	051079005359		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Nước Lui	
42	Phạm Văn Vầu	20/04/1945	051045001039		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Cao Muôn	
43	Phạm Thị Nhứt	01/01/1949	051149003532		Tuất 1 liệt sĩ	Nước Lui	

THÔN BA LANG

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Phạm Thị Át	01/01/1949	051149003807		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba làng	
2	Phạm Thị Để	01/01/1952	051152006863		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
3	Phạm Văn Đức	01/10/1939	051039000478		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
4	Phạm Văn Ép	01/01/1950	051050001637		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hóc Đô	
5	Phạm Văn Gỡ	01/01/1953	051053003159		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
6	Phạm Thị Hoi	01/01/1954	051154006077		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
7	Phạm Văn Mênh	01/01/1939	051039003922		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
8	Đinh Mót	01/01/1944	051044000659		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hóc Đô	
9	Phạm Thị Bể	01/01/1950	051150004193		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
10	Phạm Thị Re	01/01/1947	051147003827		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
11	Phạm Văn Sỹ	01/01/1938	051038002302		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
12	Phạm Văn Truyền	01/01/1943	051043004762		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
13	Phạm văn Trưa	01/01/1954	051054010109		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
14	Phạm Thị Yểu	01/01/1954	051154002704		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
15	Phạm Văn Âm	01/01/1954	051054012226		**BB suy giảm KNLĐ 41-50%**	Hóc Đô	
16	Phạm Văn Diêu	01/01/1955	051055004618		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
17	Phạm Văn Đốp	10/08/1949	051049004630		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
18	Phạm Văn Đứp	01/01/1939	051039000477		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
19	Phạm Thị Nều	01/01/1945	051145001131		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
20	Phạm Thị Ngon	01/01/1954	051154005192		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Ba Lang	
21	Phạm Văn Oai	04/06/1954	051054009080		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
22	Phạm Văn Xía	01/01/1950	051050003299		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Hóc Đô	
23	Phạm Thị Guá	01/01/1955	051148005559		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Ba lang	
24	Phạm Văn Áy	01/01/1939	051039002301		**BB suy giảm KNLĐ 61-70%**	Ba Lang	
25	Phạm Văn Bầu	09/09/1952	051052001561		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Hóc Đô	
26	Phạm Văn Đệ	01/01/1955	051055009300		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Lang	
27	Phạm Văn Mước	03/02/1952	051052001572		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Lang	
28	Phạm Thị Tư	01/01/1954	051154005432		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba lang	

29	Phạm Văn Tranh	01/01/1950	051050003773		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Hóc Đô	
30	Phạm Văn Ré	01/01/1952	051052007332		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba lang	
31	Phạm Văn Tỉa	01/01/1949	051049003671		BB suy giảm KNLĐ 71-80%	Ba lang	
32	Phạm Thị Hu	01/01/1939	051139000536		**Tuất 1 liệt sĩ**	Ba lang	
33	Phạm Thị Tiểu	01/01/1939	051139004577		Tuất 1 liệt sĩ	Ba lang	
34	Phạm Thị kLinh	11/02/1939	051139000534		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Ba Lang	
35	Phạm Thị Quya	01/01/1945	051145007734		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Ba Lang	
36	Phạm Thị Thê	01/01/1961	051161008789		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Hóc Đô	
37	Phạm Thị Thuyền	10/03/1964	051164013161		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Ba Lang	
38	Phạm Thị Nái (Nại)	01/01/1943	051143005570		**NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB**		
39	Phạm Thị Phương	01/01/1979	051179008147		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 61% đến 80%	Hóc Đô	
40	Phạm Văn Thí	01/01/1982	051082010850		Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên	Ba Lang	
41	Phạm Thị Âm	01/01/1955	051155006315		**TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%**	Ba Lang	
42	Phạm Thị Đao	01/01/1943	051143006633		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hóc Đô	
43	Phạm Văn Ế	01/07/1955	051055007310		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
44	Phạm Văn Gói	01/01/1940	051040004594		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hóc Đô	
45	Phạm Văn Mang	01/01/1943	051043002994		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Hóc Đô	
46	Phạm Thị Minh	01/01/1953	051153005954		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
47	Phạm Văn Mo	01/01/1952	051052001559		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
48	Phạm Thị Ốp	01/01/1950	051150003920		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Lang	
49	Phạm Thị Gơn	01/01/1949	051149003108		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Hóc Đô	
50	Phạm Văn Thôn	01/01/1947	051049006441		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Hóc Đô	
51	Phạm Văn Út	02/05/1945	051045003153		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Ba Lang	
52	Phạm Văn Xa	01/01/1946	051046002854		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Hóc Đô	
53	Phạm Văn Thới	01/01/1952	051052007132		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Ba Lang	
54	Phạm Thị Tiêm	01/01/1979	051179004825		Con bị DDDT,SGKNLĐ từ 61-đến 80%	Ba Làng	

THÔN NƯỚC Y

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Phạm Thị Chép	01/01/1955	051155002814		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Phân Vinh	
2	Phạm Văn Khi	01/01/1951	051051003487		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Y	
3	Phạm Thị No	01/01/1937	051137005140		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Phân Vinh	
4	Phạm Văn Rơi	15/05/1949	051049001029		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Y	
5	Phạm Văn Bấp	08/03/1950	051050006956		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Phân Vinh	
6	Phạm Thị Điền	01/01/1930	051130004175		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
7	Phạm Văn Ghê	01/01/1948	051048005046		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
8	Phạm Văn Ghía	01/01/1950	051050004735		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
9	Phạm Văn Ít	01/01/1953	051053004928		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
10	Phạm Văn Meo	11/10/1955	051055006011		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Y	
11	Phạm Thị Nghị	01/01/1953	051153004052		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
12	Phạm Văn Oà	01/01/1952	051052006128		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Y	
13	Phạm Ngọc Reng	10/05/1940	051040002344		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phân Vinh	
14	Phạm Văn Vễ	21/05/1955	051055007553		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Phan Vinh	
15	Phạm Thị Thăng	01/01/1924	051124002334		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Nước Y	
16	Phạm Thị Thư	01/01/1948	051148007667		Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	Phân Vinh	
17	Phạm Thị Cáo	09/10/1988	051188003765		**Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên**	Nước Y	
18	Phạm Văn Xia	01/01/1943	051043002723		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Y	
19	Phạm Văn Mã	01/01/1954	051054010793		BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%	Nước Y	
20	Phạm Thị Lân	01/01/1950	051150007330		BB suy giảm KNLĐ từ 51-60%	Nước Y	
21	Phạm Thị Thật	01/01/1940	051140006240		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Nước Y	
22	Phạm Văn Ui	08/10/1954	051054014192		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Nước Y	
23	Phạm Văn Xia	01/01/1943	051043002723		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Nước Y	
24	Phạm Thị KLư	10/03/1948	051148006198		**Tuất 1 liệt sĩ**	Nước Y	
25	Phạm Thị Nay	01/01/1942	05114200 4850		Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Phân Vinh	

THÔN BA SƠN

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG CẦN RÀ SOÁT LÀM SẠCH DỮ LIỆU

(Kèm theo Công văn số 1346/UBND-VHXH ngày 11/11/2026 của YBND xã Ba Vinh)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Căn cước công dân	Ngày cấp	Đối tượng	Địa chỉ thôn	Số điện thoại
1	Phạm Văn Dân	05/08/1942	051042002753		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Nẻ	
2	Phạm Thị Dung	01/01/1940	051140003197		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Sơn	
3	Phạm Văn Ép	01/01/1949	051049001026		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Sơn	
4	Phạm Văn Mói	01/01/1939	051039000476		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Ba Sơn	
5	Phạm Văn Lập	01/01/1950	051050000284		BB suy giảm KNLĐ 41-50%	Nước Nẻ	
6	Phạm Văn Còa	10/01/1954	051054008666		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Ba Sơn	
7	Phạm Văn Đáp	02/02/1952	051052005642		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Ba Sơn	
8	Phạm Thị Xuyên	01/01/1944	051144000944		BB suy giảm KNLĐ 51-60%	Nước Nẻ	
9	Phạm Văn Béch	01/06/1953	051053001486		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Nẻ	
10	Phạm Thị Đâng	01/01/1957	051157004164		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Sơn	
11	Phạm Thị Gói	10/08/1944	051144003727		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Sơn	
12	Phạm Văn Kế	10/07/1949	051049003687		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Sơn	
13	Phạm Văn Lời	01/01/1944	051044000658		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Nước Nẻ	
14	Phạm Văn Út	01/01/1952	051052006879		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Sơn	
15	Phạm Văn Xề	01/01/1949	051049000960		BB suy giảm KNLĐ 61-70%	Ba Sơn	
16	Phạm Thị Xê	01/01/1959	051159002032		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Nước Nẻ	
17	Phạm Thị Nái (Nại)	01/01/1943	051143005570		**NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXCB**		
18	Phạm Văn Quyết	01/01/1958	051058008004		Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	Ba Sơn	
19	Phạm Thị Sơn	01/01/1960	051160005044		Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%	Nước Nẻ	
20	Phạm Văn Nía (Nia)	05/01/1998	051098007044		**Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên**	Nước Nẻ	
21	Phạm Thị É	01/01/1951	051151004055		TB suy giảm KNLĐ từ 21-60%	Nước Nẻ	
22	Đinh Văn Đập	01/01/1947	051047005577		**BB suy giảm KNLĐ từ 41-50%**	Nước Nẻ	
23	Phạm Văn Đang	13/3/1949	051049005184		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Ba Sơn	
24	Phạm Thị Đoà	03/08/1954	051154009847		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Ba Sơn	

25	Phạm Văn Ngọ	01.01/1930	051030004888		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Ba Sơn	
26	Phạm Thị Thương	01/01/1959	051159008039		BB suy giảm KNLĐ từ 61-70%	Nước Nẻ	
27	Phạm Thị Nam	01/01/1955	051155008883		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB	Nước Nẻ	
28	Phạm Thị Nguồng	01/01/1950	051150008579		Tuất BB từ 61% trở lên hưởng ĐXCB		
29	Phạm Thị Biên	01/01/1945	051145001137		**NCC giúp đỡ CM trong KC hưởng ĐXND**	Nước Nẻ	